

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HẠ HÒA  
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 108 /2022/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hạ Hòa, ngày 04 tháng 7 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 127/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Trương Thị H**, sinh năm 1991.

Bị đơn: Anh **Lê Công T**, sinh năm 1976.

Đều có địa chỉ: Khu 3, xã G, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trương Thị H và anh Lê Công T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

\* Về con chung: Anh Lê Công T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Lê Hồng M, sinh ngày 13/10/2010 và cháu Lê Mạnh H, sinh ngày 03/11/2012, kể từ tháng 6 năm 2022 đến khi các cháu thành niên. Chị Trương Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho một cháu là cháu Lê Hồng M theo từng tháng, mỗi tháng số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) kể từ tháng 6/2022 đến khi cháu Mạnh thành niên.

Chị H, anh T có quyền nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

\* Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay, công sức đóng góp: Chị Trương Thị H và anh Lê Công T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, Tòa án không đặt ra giải quyết.

\* Về án phí: Chị Trương Thị H tự nguyện chịu cả hai loại án phí 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004925 ngày 09/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa (Chị Hà đã nộp đủ tiền án phí).

Trở đồng hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND Hạ Hòa;
- UBND xã A - huyện H.
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

**THẨM PHÁN**

*Đã ký*

**Tô Mạnh Tiến**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).